

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 174/2025/CV-PC ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án “Nhà ở xã hội tại Khu hành chính và dân cư phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 962/TTr-SNN&MT ngày 17 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường, địa chỉ tại số 05 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà ở xã hội tại Khu hành chính và dân cư phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long” tại phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long (*thuộc Khu hành chính tỉnh và dân cư phường Long Châu*) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội tại Khu hành chính và dân cư phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long (*thuộc Khu hành chính tỉnh và dân cư phường Long Châu*).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0308435275 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 19 tháng 11 năm 2025; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư số 2562/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 0308435275.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô

- Diện tích: 5.791,3m².

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Quy mô: Khoảng 449 căn hộ, quy mô dân số khoảng 1.119 người, trong đó có khoảng 20% tổng diện tích sàn nhà ở của dự án để kinh doanh dịch vụ, thương mại; hạ tầng kỹ thuật bên trong phạm vi khu đất thực hiện dự án (bao gồm: hệ thống đường giao thông; cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa; thoát nước thải; điện và chiếu sáng công cộng (ngầm); thông tin liên lạc (ngầm),...).

- Quy trình hoạt động: Căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng sẵn → Hoạt động Marketing → Ký kết hợp đồng mua, bán, thuê → Bàn giao căn hộ và sử dụng công trình.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Long Châu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi

trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Long Châu tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban quản lý Dự án Dân dụng và Công nghiệp;
- UBND phường Long Châu;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Lưu: VT, 90.KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải sinh hoạt (nước thải từ các nhà vệ sinh, nước thải từ nhà bếp, nước thải sinh hoạt khác trong phạm vi dự án) phát sinh khoảng 175 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước công cộng trên đường Phạm Hùng tại phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long; sau đó, nước thải theo các cửa xả thiết kế của cống thoát nước công cộng thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC Ø315, dài 310 m dẫn thoát ra cống thoát nước công cộng trên đường Phạm Hùng, tại phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m)= 1134484, Y(m)= 549379 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (theo công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải): 210 m³/ngày đêm, tương đương 8,75 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức, xả ngầm trong cống.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT, Bảng 1, cột A, F≤2.000 m³/ngày - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 ⁰ C)	mg/L	≤ 30	Không thuộc đối tượng
3	Nhu cầu ô xy hóa học (COD)	mg/L	≤ 80	
	Hoặc Tổng Cacbon hữu cơ TOC	mg/L	≤ 40	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 50	
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/L	≤ 4,0	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 25	
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 4,0	
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 3.000	
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	≤ 0,2	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	≤ 10	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Dự án thiết kế đường ống nhựa PVC D220 để thu gom nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh về bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc (*dự án xây dựng 2 bể tự hoại: một bể tự hoại thể tích 10m³ và một bể tự hoại 135 m³*) và nước thải sinh hoạt từ nhà ăn, nước thải sinh hoạt khác về bể tách dầu mỡ (*dự án bố trí một bể tách mỡ thể tích 50 m³*) để xử lý sơ bộ; sau đó, nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 210 m³/ngày đêm) để xử lý.

Hệ thống công thu gom nước thải của Dự án sử dụng ống nhựa PVC có đường kính D220, tổng chiều dài tuyến ống thu gom nước thải khoảng 71 m, trên tuyến ống thu gom nước thải có bố trí khoảng 04 hố ga.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc) → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 210 m³/ngày đêm.

- Công suất thiết kế: 02 hầm tự hoại 3 ngăn, kết cấu BTCT, tổng thể tích 145 m³.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà bếp → Bể tách dầu mỡ 3 ngăn (ngăn lược rác → ngăn lọc mỡ → ngăn chứa nước) → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 210 m³/ngày đêm.

- Công suất thiết kế: 01 bể tách dầu mỡ, thể tích 50m³ kết cấu BTCT.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ sau trạm xử lý nước thải tập trung của dự án: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại/bể tách dầu mỡ) → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải (công thoát nước công cộng trên đường Phạm Hùng).

Bùn phát sinh từ Bể lắng sinh học → Bể chứa bùn → Xử lý theo đúng quy định.

- Công suất thiết kế: 210 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng/vật liệu sử dụng: NaOH sử dụng tại bể MBBR, PAC sử dụng tại bể lắng sinh học, Javen (NaOCl) sử dụng tại bể khử trùng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình thiết kế. Thường xuyên kiểm hoạt động của các thiết bị và bảo dưỡng bảo trì định kỳ. Trang bị thiết bị dự phòng thay thế để đảm bảo sự hoạt động liên tục của hệ thống.

- Bố trí nhân viên theo dõi, vận hành, thường xuyên kiểm tra chất lượng nước đầu ra, mật độ bùn, hoạt động vi sinh vật, kiểm tra quá trình chầm hóa chất khử trùng,... kịp thời phát hiện những sự cố, nguyên nhân dẫn đến việc nước đầu ra chưa đạt Quy chuẩn để khắc phục nhanh chóng.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố. Bố trí đầy đủ trang bị thiết bị, phương án ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Tháng 5/2027.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Tháng 10/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 210 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải đầu vào: Lấy tại bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải công suất 210 m³/ngày đêm.

- Nước thải đầu ra: Lấy tại vị trí hố ga sau xử lý trước khi dẫn thoát ra công thoát nước công cộng trên đường Phạm Hùng, tọa độ (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiếu 3^o): X(m)=1134299; Y(m)=549280.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Chất ô nhiễm: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni (N-NH₄⁺) tính theo N, tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Sunfua (S²⁻), Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion.

- Giá trị giới hạn cho phép: QCVN 14:2025/BTNMT, Bảng 1, cột A, F≤2.000m³/ngày - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tần suất lấy mẫu trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định, cụ thể: lấy 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải trong 03 ngày liên tục (01 mẫu/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu và quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; định kỳ nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, trang bị thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, Chủ dự án phải thực hiện đồng thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố để lưu giữ nước thải, không xả nước thải chưa đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong thời gian khắc phục.

3.4. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận

lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh (từ hoạt động thương mại, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của Chủ dự án, từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án)

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (đèn led hư hỏng)	Rắn	16 01 13	20
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau nhiễm dầu, nhớt thải,...)	Rắn	18 02 01	20
3	Bao bì mềm thải (bao bì hóa chất, chứa chất tẩy rửa)	Rắn	18 01 01	10
4	Bao bì nhựa cứng thải (thùng, chai chứa dầu bôi trơn, bao bì chứa keo dính, sơn, dung môi lau chùi, hóa chất thải, chứa chất tẩy rửa,...)	Rắn	18 01 03	10
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn, tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	10
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	10
7	Bao bì kim loại cứng thải (bao bì chứa các chất diệt côn trùng)	Rắn	18 01 02	10
Tổng cộng				90

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (từ hoạt động thương mại, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của Chủ dự án, từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án): Bùn thải từ hệ thống công thoát nước mưa, nước thải và từ trạm xử lý nước thải với khối lượng phát sinh khoảng 10.000 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1.130 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy, Chủ dự án đảm bảo bố trí đầy đủ thùng chứa để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh và được lưu giữ trong kho chất thải nguy hại; định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 6,0 m².

+ Kết cấu kho lưu chứa: Nền bê tông kín, khít có gờ chống chảy tràn, mái lợp tôn, vách tôn đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật của kho chứa chất thải nguy hại, có dán nhãn, biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Chứa trong bể chứa bùn của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Bùn từ công thoát nước mưa và công thoát nước thải: Không bố trí thiết bị lưu chứa. Định kỳ, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Rác thải sinh hoạt được hướng dẫn phân loại tại nguồn.

- Xây dựng hệ thống thu gom rác: Chủ dự án bố trí hệ thống ống thu rác theo chiều đứng, trên tuyến ống thu rác đều có cửa đưa rác vào ở mỗi tầng. Cuối tuyến ống thu rác có thiết kế cửa xả rác, cửa xả rác mở tự động bằng trọng lượng được liên kết với hệ thống đối trọng, khi trọng lượng rác đủ để đẩy cửa xả rác thì hệ thống này sẽ tự động mở ra để rác được xả đến thùng rác tại nhà rác.

- Bố trí đầy đủ dụng cụ chứa rác sinh hoạt tại điểm tập kết/phòng rác, tổ chức thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án theo quy định.

- Phòng lưu chứa rác:

+ Diện tích: 22 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Phòng chứa rác được bố trí tại tầng 1 có nền BTCT, vách tường bao quanh cách ly với các khu vực khác, có cửa và lối đi riêng biệt, có biển báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ trạm xử lý nước thải, hồ gas, công thoát nước, khu vực chứa rác có khả năng tác động đến môi trường và tuân thủ các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan.

3. Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Thiết lập kế hoạch quản lý và đảm bảo bố trí đủ nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường được duy trì vận hành hiệu quả. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường về cơ quan quản lý nhà nước về bảo môi trường định kỳ hoặc đột xuất theo quy định. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành./.